

DATE: February 4, 1990
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ KIỂM HUY	Sept, 7, 1938	Wife
NGUYỄN VĂN THO	Jan, 5, 1953	Son
NGUYỄN HỮU TÀI	Mar, 16, 1955	Son
NGUYỄN THỊ LÊ	Apr, 9, 1956	daughter
NGUYỄN HỮU HÙNG	Apr, 4, 1968	Son
ĐHAM THỊ MINH NGUYỆT	Nov 23, 1950	daughter-in-law
VÕ THỊ ĐỨC	Jul, 10, 1958	daughter in law
NGUYỄN VÕ HOÀNG TRANG	Jan, 17, 1989	granddaughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- * I was previously married - My earlier wife, Nguyễn Thị Nhàn died in 1964 (death's certificate attached). My three children Nguyễn Văn Tho, Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thị Lê are from this marriage.
- * My wife, Nguyễn Thị Kiểm Huy was an employee of US Government (1964-1975) worked in Civilian Personnel Office (DAO, Saigon) VGS.11 in the position of Classification Specialist.

Documents attached:

- Release Certificate
- birth certificate (3)
- marriage certificate

- death certificate
- general orders (award of bronze star and army commendation)
- Affidavit.

INTAKE FORM
MAU DON VE LY LICH

NAME (Ten Tu nhan) : NGUYEN HUU PHUOC
Last (Ten ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH: May, 10, 1925, Xa Binh Thuan tinh Binh
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): M Female (Nu): /

MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): M
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 10/1 Khu 10 BL, Ap Tan Lap, Xa Hiep Phu, Huyen Thu Duc
(Dia chi tai Viet-Nam) Thanh Pho Ho Chi Minh

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) /
If Yes (Neu co): From (Tu): Jun, 15, 1975 To (Den): Sept, 8, 1987

PLACE OF RE-EDUCATION: Loy Giao (Loy Khanh) Suoi Mau (Binh Hoa) Yen Bai
CAMP (Trai tu) (Hoang Lien Son) Nam Ha (Ha Nam Ninh) Xuan Loc (Loy Khanh)

PROFESSION (Nghe nghiep): /

EDUCATION IN U.S. (Da hoc tai My): no

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Colonel

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): /
Date (nam): /

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Yes
IV Number (So ho so): /
No (Khong): /

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 8
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiet)

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 10/1 Khu 10 BL, Ap Tan Lap, Xa
Hiep Phu, Huyen Thu Duc, Thanh Pho Ho Chi Minh

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngugi Bao tro):
U.S. Government

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (Co): / No (Khong): /

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): /

NAME SIGNATURE: NGUYEN HUU PHUOC, 10/1 Khu 10 BL, Ap Tan Lap, Xa Hiep Phu
ADDRESS TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Huyen Thu Duc
Thanh Pho Ho Chi Minh

DATE: February, 4, 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ KIỂM HUY	Sept, 7, 1938	wife
NGUYỄN VĂN THO	Jan, 5, 1953	son
NGUYỄN HỮU TÀI	Mar, 16, 1955	son
NGUYỄN THỊ LÊ	Apr, 9, 1956	daughter
NGUYỄN HỮU HÙNG	Apr, 4, 1968	son
PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Nov, 23, 1950	daughter-in-law
VÕ THỊ ĐỨC	Jul, 10, 1958	daughter-in-law
NGUYỄN VÕ HOÀNG TRANG	Jan, 17, 1989	granddaughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- * I was previously married. My earlier wife, Nguyễn Thị Nhan died in 1964 (death's certificate attached) My three children Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thị Lê are from this marriage.
- * My wife, Nguyễn Thị Kiểm Huy was an employee of US Government (1964-1975), worked in Civilian Personnel Office (DAO, SBROON) VGS-11 in the position of Classification Specialist

Documents attached:

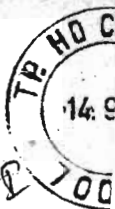
- Release's certificate
- birth's certificate (9)
- marriage's certificate
- death's certificate
- general orders (award of the bronze star and army commendation)
- Affidavit

FROM: NGUYỄN HỮU PHƯỚC

10/1 Khu 10B1, Ấp Tân Lập,

Xã Hiệp Phước, Huyện Thới Đức,

TP. Hồ Chí Minh - VIETNAM



- Đã gửi mã 06
HS -
- Có tên trong lịch
- Trả lời 4/5/89

Bà
Xen Lai H/S
đến 10/10/89
OCT 02 1989



TO: Mrs TRUONG NGOC DUNG

P.O. Box 5435

Arlington VA 22205-0635

VIA AIR MAIL PAR AVION

USA

FROM: NGUYỄN HỮU PHƯỚC

10/1 Khu 10 B1, Ấp Tân Lập,

Xã Hiệp Phú - Huyện Thủ Đức

TP HO CHI MINH - VIETNAM



Bà
Xen Lai US
living need dat co lot
OCT 02 1989



TO: Mrs TRUONG NGOC DUNG

P.O. Box 5435

Arlington VA 22205-0635

VIA AIR MAIL PAR AVION

USA

Thư này gửi cho Bà K.M. Thơ

Vin thông cảm sự bất lịch sự bất đầu di?
về địa chỉ, người nhận.

Thưa Bà,

Có tên
trong list

hàng năm
chỉ một
thứ

Qua bạn bè cũng như báo chí, tôi được biết Bà đã đang (và
chưa chán) thử nguyện làm một việc nhân đạo to lớn và
có tính cách thời đại. Các ngôi công lao và kết quả to lớn mà
Bà đã làm và gặt hái được, e rằng sẽ thiếp sọt cũng như bằng
thủ để không nói là mình hết. Vậy tôi xin đi ngay vào mục đích
của thư này.

Tôi là một trong số hàng trăm ngàn người mà Bà đang lo ~~lo~~
mọi cách để thỏa mãn nguyện vọng của họ hầu bù lại một phần
nào khô' nhục mà họ đã chịu đựng trong thời gian hàng chục
năm qua. Tôi xin trình bày chi tiết cần thiết về trường hợp tôi:
Tôi đã gửi hồ sơ qua ODP Thái Lan vào tháng 4/89 để xin định
cư tại Mỹ, với đầy đủ giấy tờ chứng minh mà tôi nghĩ có giá trị
(có được hồi báo: Cơ quan này đã nhận vào tháng 5/89)

Hồ sơ mang tên Nguyễn Hữu Phước, sinh năm 1925 tại Bentre,
cấp bậc cử Đại tá, chức vụ sau cùng: Chỉ Huy Trưởng binh
chủng Quân Cảnh (M.P.) - gia đình gồm vợ, 5 con (4 trai,
1 gái), 3 cháu (3 trai có vợ) và 1 cháu nội.

Những điểm ghi thêm:

* Vợ là Nguyễn Thị Kiêm Huy sinh 1938 là cựu nhân viên của
Chính phủ Mỹ (giấy chứng nhận có kèm theo hồ sơ) từ 1964
đến 1975, ngành trật VGS.11

* Ngày 28/8/79, để bổ túc hồ sơ, tôi có gửi cho ODP Thailand
2 Công lệnh ân thưởng huy chương Hoa Kỳ do Bộ Tư lệnh MACV cấp
(bronze star và Army Commendation)

* Tôi vào Thái Cải tạo ngày 16-6-75 và ra trại ngày 8-9-87 và bị
quản chế 1 năm (12 năm 2 tháng 23 ngày + 1 năm = 13 năm...)

* Tôi là Chỉ Huy Trưởng Binh chủng Quân Cảnh Quân lực VN Cộng Hòa
từ 1972 đến 1975

* Hai đứa con trai lớn của tôi: một là quân nhân thuộc SD5 KQ,
một là công chức Quốc Phòng (lúc đó chưa đến tuổi quân dịch)

Cho đến nay, tôi chưa nhận được giấy tổng của ODP Thailand
vậy xin Bà, với uy tín và sự sốt sắng tận tâm sẵn có, giúp cho
gia đình tôi (kể cả các con và cháu) được chấp thuận định cư tại
Mỹ vì rồi chức vụ và Binh chủng mà tôi đã phục vụ trên 15 năm
thì "the discrimination is obvious" (xin phép được dùng câu này)
Xin Bà cho tôi biết kết quả cũng cũng tốt (nhất là nên có lời)
Tôi và gia đình xin thêm thật cảm ơn Bà và không bao giờ quên
ơn này. :-

Ngày 12 tháng 9, 1989

Nguyễn Hữu Phước

Thư

địa chỉ mặt sau

Nguyễn Hữu Phước,
10/1 Khu 10 BL, Ấp Tân Lập, Xã Hiệp Phú
Huyện Thủ Đức
Thành phố HO CHI MINH
VIET NAM

Địa chỉ liên lạc
Nguyễn Hữu Phước
391/TK40/21 Trần Hưng Đạo
Phường Cầu Kho, Quận 1
TP HO CHI MINH VIET NAM

Đây là địa chỉ liên lạc và cũng là địa chỉ tôi sử dụng
hiện nay, ghi trong hồ sơ gửi cho ODP.

TB. Nếu có chi tiết nào khác liên quan đến tôi (như có tên trong
một danh sách nào đó (3000 tên đầu) cũng xin cho biết)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **XUÂN LỘC**

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số **93** GRT

0 0 0 8 7 8 0 1 5 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Thực hiện theo Thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hiện án văn, quyết định tha số **08/QĐ** ngày **20** tháng **8** năm **1987**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN HỮU PHƯỚC**

Sinh năm 19**25**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Bến tre**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **10/1 km 10 HL, ấp tầng phố 2, xã tầng nhân phố, Thủ Đức - TP/ Hồ Chí Minh**

Cán tội **Đại tá: tham mưu phó**

Bị bắt ngày **15/6/1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **10/1 km 10 HL, ấp tầng phố 2, xã tầng nhân phố, Thủ Đức-HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

có nhiều cố gắng trong thời gian học tập cải tạo tại trại chấp hành tốt nội qui kỷ luật, và các chế độ chính sách của đảng và nhà nước.

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **20** tháng **9** năm 19**87**

Lưu tay ngón trở phải

Nguyễn Hữu Phước

h. bản số _____

tại _____

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Phước

Nguyễn Hữu Phước

Ngày **08** tháng **9** năm 19**87**

P. Giám thị

Thanh Tâm

Thiếu tá: NGUYỄN THANH TÂM

Kính nhân

Có kính diện tại ban

Công an xã

Thiệp phủ ngày 09/9/87
phủ CH xã

Nguyễn Văn

Nguyễn Thị Sa

Kính nhân

Đu thời gian quản chi

Ngày 10/9/88

Tổ CH

Nguyễn Văn

Nguyễn Thị Sa

SS 1320 Hết 2/1

CHUNG HẠN

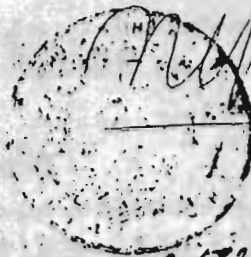
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHÍNH QUYỀN

Ngày 9/9/87

CHÍNH QUYỀN

CHÍNH QUYỀN



Nguyễn Văn

Official form with multiple rectangular boxes, some containing faint text and others empty. The text 'Tổ CH' and 'Nguyễn Văn' are visible in the upper section of the form.

Số 290T

CHUNG THU THAY GIẤY KHAI SINH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi tám, ngày mồng bảy
tháng mười hai ((04/12/1958) hồi 10 giờ .

Trước mặt chúng tôi:

Hoàng-Dinh-Giang Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa hòa-giải
quận Bình-Khê .

Nguyễn-Thành thu-ký hành-chính kiêm Lục-sự ngồi giúp việc .

Có đến khai:

1) NGUYEN-DANG-TAI 36 tuổi, thẻ kiểm tra số N070014-22A010519
cấp tại Châu-Phú tỉnh Châu-Độc ngày 18/8/1955 hiện trú tại xã
Bình-Phú, quận Bình-Khê, tỉnh Bình-Định.

2) NGUYEN-HUU-LONG 33 tuổi, thẻ kiểm tra số N070014-25A010969
cấp tại Châu-Phú tỉnh Châu-Độc ngày 19/8/1955 hiện trú tại xã
Bình-Phú, quận Bình-Khê, tỉnh Bình-Định .

3) NONG-VIET-PHAN 36 tuổi, thẻ kiểm tra số T31.0069-A7331
cấp tại Sông-Mao ngày 3/1/1956, hiện trú tại xã Bình-Phú, quận Bình-Khê,
Bình-Định.

Những người chứng nói trên, sau khi thổ lộ nói tất cả sự thật
và chỉ có sự thật để khai và chúng nhận biết rõ :

NGUYEN-HUU-PHUOC, quốc-tịch Việt-Nam, sinh ngày mồng mười,
tháng năm, năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (10/5/1925). Sinh
và chính quán làng AN-DUC quận BA-TRI, tỉnh Bến-Tre hiện cư trú
tại xã Bình-Phú, quận Bình-Khê tỉnh Bình-Định .

Là con của ông NGUYEN-VAN-PHO 57 tuổi, (sống) và bà Trần-thị-
MUI, 55 tuổi (sống) đều sinh và chính quán làng An-Duc, quận Ba-
Tri, tỉnh Bến-Tre .

Bà TRAN-THI-MUI là vợ chính thất của ông NGUYEN-VAN-PHO .

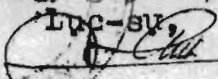
Mấy người chứng này qua quyết rằng NGUYEN-HUU-PHUOC không
thể xuất nập giấy khai sinh được, vì lẽ biến cố, chiến tranh, giao
thông gián đoạn, sổ hộ-tịch chính quán bị phá hủy, ban chính bị
thất lạc .

Mấy người chứng đã nhận thật những lời khai ở trên, nên chúng
tôi chiếu các điều 47 và 48 Việt-Nam Hộ-Luật lập tờ chứng thu
thay giấy khai sinh cấp cho NGUYEN-HUU-PHUOC để nập hồ-sơ .

Những người chứng sau khi nghe đọc bản văn này đã ký tên
cùng chúng tôi và ông Lục-sự .

Người khai,	Những người chứng,	Lục-sự,	Thẩm-Phán,
ký tên:	ký tên:	ký tên:	ký tên và áp dấu
Nguyen-huu-Phuoc	Nguyen-dang-Tai	Nguyễn-Thành	Hàng-Dinh-Giang
	Nguyen-nhu-Long		
	Nong-viet-Phan		

Sao lục y bản chính tại Tòa .
Bình-Khê ngày 16/9/1965

Lục-sự,

NGUYỄN-THÀNH

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Kiên-Hòa

QUẬN: Ba-Tri

XÃ: An-Đào

Số hiệu: 80

*

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THU HÔN-THÚ

Tên họ người chồng NGUYỄN - HỮU - PHÚC

nghề - nghiệp Quân-nhân

sinh ngày 10 tháng 5 năm 1925

tại Xã An-Đào, Ba-Tri, Kiên-Hòa

cư-sở tại Xã An-Đào, Ba-Tri, Kiên-Hòa

tạm-trú tại Sài-Gòn

Tên, họ cha chồng Nguyễn-văn-pho (sống) 60 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Trần-thị-Luì (sống) 59 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Nguyễn-thị Kiêm-Huy

nghề-nghiep Thợ xé

sinh ngày 07 tháng 9 năm 1938

tại Xã Tân-niên-Lông (Gò-dông)

cư-sở tại Xã Tân-niên-Lông (Gò-dông)

tạm-trú tại Sài-Gòn

Tên, họ cha vợ Nguyễn-văn-Ruợ (sống) 50 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Bùi-thị-Thại (sống) 50 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 01 tháng 1 năm 1965 hồi 10 giờ

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế --

ngày -- tháng -- năm --

tại --

KIÊN-THỊ

Đã hợp pháp hóa ở Bộ Tư pháp
tại Ủy ban hành chính xã An-Đào
ngày 09 tháng 9 năm 1965
CHUYÊN-TRƯNG

Trích y bốn chính

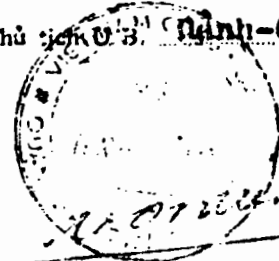
An-Đào ngày 08 tháng 9 năm 1965

VIỆN XÉT XỬ HỌ TÊN

Chủ tịch Ủy ban hành-chính/Hội-tịch xã



LE-VAN-CU



VÔ-VĂN-PHÂN

Số Hiệu : 4
(1)

/----- ()

: Người chết :	NGUYỄN - THI - NHAN
: Nghề nghiệp:	Làm vải
: Cư trú tại :	Xã An-Dức, BA-TRI.
: Sinh ngày :	2 - 3 - 1926
: Tại :	An-Dức, BA-TRI.
: Chưa có chồng, vợ hay là góa chồng, vợ:	
: (Kể tên họ nếu có)	NGUYỄN-HỮU-PHUỘC
: Người chồng hay vợ làm nghề gì :	Đại Ủy Quân Đội VIỆT-NAM-CỘNG HÒA
: Cha :	NGUYỄN-VĂN-MỸ (sống)
: (Tên họ)	
: Mẹ :	BA-THI-THIỆT (chết)
: (Tên họ)	
: Chết ngày :	12-3-1964
: Chết tại :	An-Dức, BA-TRI.
: Ngày khai :	14-3-1964
: Người khai:	NGUYỄN-VĂN-PHỐ
: (Tên họ)	
: Người khai mấy tuổi :	Năm mươi chín tuổi.
: Nghề nghiệp:	Làm ruộng
: Cư trú tại :	Xã An-Dức, BA-TRI.
: Người chứng thứ nhất :	
: (Tên họ)	PHẠM-VĂN-NGÂN
: Mấy tuổi :	45 Tuổi.
: Nghề nghiệp :	Làm ruộng.
: Cư trú tại :	Xã An-Dức, BA-TRI.
: Có phải là bà con hoặc ở gần	
: người chết phải nói rõ:	Ở gần.
: Người chứng thứ nhì :	
: (Tên họ)	THÁI-HỮU-DUYỆT
: Mấy tuổi :	Hai mươi bảy tuổi.
: Nghề nghiệp :	Buôn bán.
: Cư trú tại :	Xã An-Dức, BA-TRI.
: Có phải là bà con hoặc ở gần	
: phải nói rõ.	Ở gần.
Làm tại An-Dức , Ngày 14 tháng 3 năm 1964	
Người khai	Họ lai
(NGUYỄN-VĂN-PHỐ)	(Ký tên)
Ký tên)	VÕ-VĂN-PHÂN
	(PHẠM-VĂN-NGÂN)
	Ký tên
	(THÁI-HỮU-DUYỆT)
	Ký tên)

Phản thất chủ ký của Hội đồng
Xã An-Dức ở bên đây.
BA-TRI, ngày 19-3-1964
TH. QUẢN TRƯỞNG
PHÓ QUẢN TRƯỞNG

Phản thất
chủ ký của Hội viên Hộ tịch
phía bên đây.
An-Dức, ngày 14 tháng 3 năm 1964
Đại diện Xã.

Sao y bộ từ
An-Dức, ngày 14-3-1964
HỘI VIÊN HỘ TỊCH

(Ký tên)
(HỒ-QUANG-DÂN)

(Ký tên)
(PHẠM-VĂN-NGÂN)

(Ký tên)
(VÕ-VĂN-PHÂN)

Sắc y bản chính

Tuổi thọ Đạt: 20/1/1990

T. 11.000

Chức vụ

Chức vụ

Làm việc

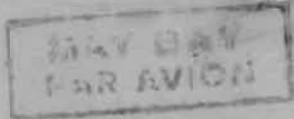


Nguyễn Hữu Phước

10/1 Khu 10 Ấp Tân Lập - Xã Hiệp Phú - Thủ Đức

Việt - Nam.

12790



Mrs K HUC MINH THO'

P. O. Box 5435

ARLINGTON VA. 22205-0635

USA.

MAR - 7 1990

Thư đức ngày 7 tháng 2, 1990

Kính gửi: Bà Khắc Minh Thơ

Thưa Bà,

Tôi nhận được thư Bà đề ngày 5-11-89 (nhận vào tháng 01-1990!). Tôi rất cảm ơn Bà và Hôi đã hết sức giúp tôi. Tôi xin ghi nhận và cảm ơn ý thức được "vấn đề Kinh tế không phải là điều chuẩn".

Tôi xin gửi theo đây những tài liệu mà Hôi cần, có điều là những tài liệu này đều là sao bản vi:

- Văn kiện bằng tiếng Anh không được chính quyền VN sao thì thực.
- Giấy tờ hồ lịch, thì phải về nơi nào thiết lập trước khi trích sao, chứ địa phương mình cứ ngu không sao thì thực nữa (thẻ lệ mới)

Tôi cũng xin nhắc lại là tôi đã gửi một bộ hồ sơ rất đầy đủ cho ODP Thailand vào tháng 5-89 (có giấy hối báo). Nhưng cho đến nay, tôi chưa có IV, LOI gì cả, mặc dù tôi cũng đã có thư nhắc cơ quan này. Vậy xin Bà và Hôi, nếu có thể, liên lạc với ODP Thailand xem kết quả ra sao và xin thông báo kết quả nếu có. Tôi được nghe nói rằng ODP chỉ gửi LOI cho người (hoặc tổ chức nào) liên hệ với người xin, chứ không gửi trực tiếp cho người này.

Cuối thư, xin chúc Bà và quý Hôi nhiều sức khỏe, đủ điều kiện để phục vụ mục đích cao cả của Hôi.

Kính thư,

Thư

Nguyễn Văn Phước

10/1 Khu 10 BL, Ấp Tân Lập, Xã Hiệp Phú, Huyện Thủ Đức
TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHỨNG CHỈ TẠI NGŨ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MƯU Q.L.V.N.C.H.
PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

Số: **29525** /TTM/QT/

CHỨNG NHẬN

Họ và tên: NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Cấp-bậc: Đại-Tá Q.L/HD thực thụ

Số-quân: 45/102.456

Ngày và nơi sanh: 10-05-1925 tại Làng An-Dức BẾN-TRÉ

Tên-cha: Nguyễn-Văn-Phổ

Tên-mẹ: Trần-Thị-Huê

Ngày nhập-ngũ: 01-08-1954

Thời gian gián-doạn công-vụ: Không

Hiện đang tại ngũ và phục-vụ tại: Cố-Huy-Trưởng-Quân-Gánh/
Q.L.V.N.C.H.

Lý-do:

Đã bỏ túc hồ sơ xin mua nhà của Tổng Quốc Phát-Trí
Gia-Cư.

KBC 4002, ngày 27/10/1974



TL-Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH
Tham-Mưu-Trưởng ĐƯƠNG-VĂN-KHUYẾN
Tham-Mưu-Trưởng Bộ.TTM
Tham-Mưu-Trưởng NGUYỄN-XUÂN-TRANG
Tham-Mưu-Phó Nhân-Viên

HỒ SƠ QUẢN LÝ

Số hiệu

KHAI SANH

CHỨNG THẬT

CHỮ KÝ CỦA NHÂN-VIÊN HỘI-ĐỒNG

HƯƠNG-CHÁNH-LANG Gia Lộc

đặt dưới đây

TRANG BẢNG NGÀY 15 Tháng 12

QUẢN-TRƯỞNG



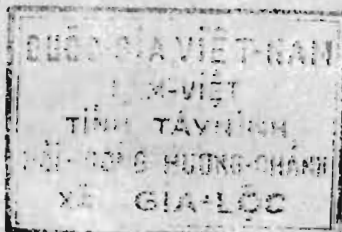
Gia Lộc, ngày 15-12-1956

VI CHUNG:

Hội viên Cảnh sát có
họ tên dưới đây:

CHỦ TỊCH,

PHÓ CHỦ TỊCH,



SAO LƯC Ý ĐƠN,

Gia Lộc, ngày 15-12-1956

Hội viên Cảnh sát,

ĐƯA NHỎ

Tên, họ Nguyễn Văn Thọ Phái nam
Sanh ngày năm tháng Giêng 01.
Năm một ngàn chín trăm năm mươi ba
Tại Gia Lộc

CON CỦA

Cha (tên, họ) Nguyễn Văn Thọ
Tuổi / Nghề buôn bán
Trú tại Gia Lộc
Mẹ: (tên, họ) Nguyễn Thị Ngọc
Tuổi / Nghề buôn bán
Trú tại Gia Lộc
Vợ (chánh hay thứ) Vợ chính

NGƯỜI KHAI

Lập theo lời khai của /
Tên, họ Nguyễn Văn Thọ
Tuổi hai mươi bốn
Trú tại Gia Lộc

NGƯỜI CHỨNG

Trước mặt:

Tên, họ Lê Quang Thịnh
Tuổi ba mươi hai Nghề buôn bán
lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Tân Lý Tây
Thị xã, Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Tiền Giang

☆

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 259

Quyển số 04

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Phạm Thị Minh Nguyệt</u>		Nam, Nữ
Sinh ngày	<u>23 - 11 - 1950</u>		
tháng năm			
Nơi sinh	<u>Tân Lý Tây - Châu Thành - Tiền Giang</u>		
Khai về cho mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Phạm Minh Châu</u> <u>19 11</u>	<u>Bùi Thị Hai</u> <u>19 23</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Tránh xe ngựa</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tân Lý Tây - Châu Thành - Tiền Giang</u>	<u>Tân Lý Tây - Châu Thành - Tiền Giang</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Phạm Minh Châu - Tân Lý Tây - Châu Thành - Tiền Giang</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 7 năm 1988

TH. UBND Tân Lý Tây ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 26 tháng 7 năm 1988

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



[Handwritten signature]

Số hiệu: 172

gia lập tại đây
12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839. 840. 841. 842. 843. 844. 845. 846. 8

Section

VỊ GIỮNG:
HỒI VIÊN ĐỘI TỰ VỆ AN CƯ
Cư dân địa phương
Giáo dục: 13-14 tuổi
ĐẠI DIỆN XÃ

Erst

Les. Sp.

TRỊCH Y TRÊN CỘT CHÁNH
 1-6, ngày 13-11-1962
 HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH,

Copy _____

Lâm-ngọc-Chất.

Tên, họ đầu nhĩ : **Nguyễn-hữu-Tôi**
 Phái : **Nam**
 Tuổi : **Mười sáu tháng ba dương lịch năm một nghìn chín trăm năm mươi lăm**
 Sinh :
 (Ngày, tháng, năm)
 Tại : **Gia-lộc**
 Cha : **Nguyễn-hữu-Phước**
 (Tên, họ)
 Tuổi : **Ba mươi**
 Nghề-nghiep : **Buôn bán**
 Cư-trú tại : **Gia-lộc**
 Mẹ : **Nguyễn-thị-Liên**
 (Tên, họ)
 Tuổi : **Hai mươi chín**
 Nghề-nghiep : **Buôn bán**
 Cư-trú tại : **Gia-lộc**
 Vợ : **Vợ chôn**
 Người khai : **Nguyễn-hữu-Phước**
 (Tên, họ)
 Tuổi : **Ba mươi**
 Nghề-nghiep : **/**
 Cư-trú tại : **Gia-lộc**
 Ngày khai : **/**
 Người chứng thứ nhứt : **Trần-văn-Hoài**
 (Tên, họ)
 Tuổi : **Ba mươi bốn**
 Nghề-nghiep : **Làm ruộng**
 Cư-trú tại : **Gia-lộc**
 Người chứng thứ nhì : **Nguyễn-văn-Cổ**
 (Tên, họ)
 Tuổi : **Hai mươi chín**
 Nghề-nghiep : **Làm ruộng**
 Cư-trú tại : **Gia-lộc**

Giờ-lộc ngày mười sáu tháng ba năm
lâm tại năm một ngàn chín trăm năm mươi năm

Người khai,	Họ-tên,	Nhân chứng
Nguyễn-hữu-Phước	Ông	Trần-văn-Hoài Nguyễn-văn-Cổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Thị xã Thủ Đức

Quận, Huyện Thủ Đức

Xã, Phường Thị trấn Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyền số 69

Số 05/1957

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ Nguyễn Thị Thu

Sinh ngày 17 tháng 7 năm 1958

Quê quán Thị trấn Thủ Đức

Nơi đăng ký thường trú Hà Nội

Thị trấn Thủ Đức

Nghề nghiệp Công nhân

Dân tộc Kinh Quốc tịch Miễn nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 0201948 HH

Họ và tên người chồng Nguyễn Hữu Đức

Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1955

Quê quán Bến Lức

Nơi đăng ký thường trú Hà Nội

Thị trấn Thủ Đức

Nghề nghiệp Công nhân

Dân tộc Kinh Quốc tịch Miễn nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 02015008

Kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 1957

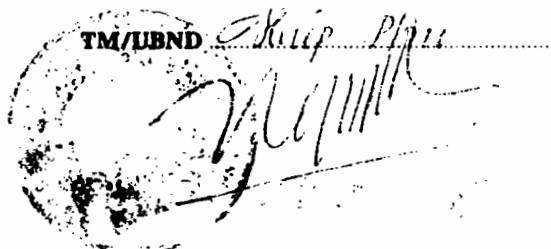
Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TM/UBND

Nguyễn Thị Thu
Nguyễn Thị Thu

Nguyễn Hữu Đức
Nguyễn Hữu Đức



X

CHỨNG THẬT

CHỮ KÝ CỦA NHÂN DÂN HỘI
ĐỒNG XÃ GIA LỘC ĐẶC DƯỚI
ĐÂY

Ngày 13 - 11 - 1962

TL. QUẢN TRƯỞNG,
Q. QUẢN TRƯỞNG,

đã ký

PHẠM KIM CHUNG

VI CHỨNG

Hội viên hộ Tích có ký
ten dưới đây

Gia lộc, ngày 13-11-1962

ĐẠI DIỆN XÃ

đã ký

LÊ VĂN SỸ

TRÍCH Y TRONG BỘ CHÁNH
Gia lộc, ngày 13-11-1962

HỘI VIÊN HỘ TÍCH,
đã ký

LÂM NGỌC CHÂU

Tên, họ đủ nhĩ : NGUYỄN THỊ LỘ
Phối : Nữ
Sinh : Chín tháng tư dương lịch năm
(ngày, tháng, năm) một ngàn chín trăm năm mươi sáu
Tại : Gia Lộc
Cha (tên họ) : Nguyễn Hữu Phước
Tuổi : Ba mươi một
Nghề nghiệp : Đại úy
Cư trú tại : Khu bưu chính 4310
Mẹ (tên, họ) : Nguyễn Thị Hạnh
Tuổi : Ba mươi
Nghề nghiệp : Nội trợ
Cư trú tại : Gia lộc
Vợ : vợ chánh
Người khai (tên họ) : Nguyễn Văn Phó
Tuổi : Năm mươi một
Nghề nghiệp : -
Cư trú tại : An đức (Huyện tre)
Ngày khai : -
Người chứng thứ nhất : Phạm Văn Hiền
(tên họ)
Tuổi : Ba mươi bảy
Nghề nghiệp : Y tá
Cư trú tại : Gia lộc
Người chứng thứ nhì : Bùi Văn Khánh
(tên họ)
Tuổi : Ba mươi lăm
Nghề nghiệp : hớt tóc
Cư trú tại : Gia lộc

Làm tại Gia lộc, ngày 10 tháng 04 dl năm 1956

CHỨNG

XUẤT

HÀNH

KHAI PHÚ

Người khai,

Nguyễn Văn Phó

Hộ lại,

Chốt

Nhân chứng,

Phạm Văn Hiền

Bùi Văn Khánh

Ngày 15 tháng 6 năm 1984



TNP

Nguyễn Thị Hạnh

TỈNH

PHONG - DINH

BẢN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ TÂN-AN

Năm 1968

Số hiệu 1874

Tên họ đứa con nít	NGUYỄN-HỮU-HÙNG
Nam hay nữ	NAM
Sanh ngày nào	Bốn tháng tư DL năm 1968
Sanh tại đâu	Bảo sanh-viện PHONG-DINH
Tên, họ cha	NGUYỄN-HỮU-PHƯỚC
Cho làm nghề gì	Quân-nhân
Nhà cửa ở đâu	Tân-An Phong-Dinh
Tên, họ mẹ	NGUYỄN-THỊ-KIỆM-HUY
Mẹ làm nghề gì	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	Tân-An Phong-Dinh
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh
	HT số 80 An-Dũc 1965

Tại Tân-An ngày 9 tháng 4 năm 1968

NGƯỜI KHAI

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH
ký tên hoặc đóng dấu

HỒ-VĂN-XUÂN

NGƯỜI CHỨNG

TẠ-THÀNH-TỰ

1. LÊ-VĂN-SANG

2. QUÁCH-TÂN-HUA

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỜI

Tân-An ngày 9/4/1968

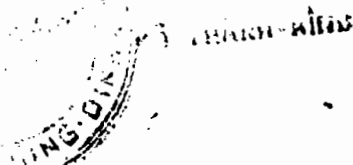
Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

CHỦ-TỊCH KIỂM-ĐIỂM HỘ-TỊCH

Chúng cho hợp pháp chữ ký ngang
đầy của U.B.H.C. xã Tân-An

Cán-tho ngày 9/4/1968

TRƯỞNG



TẠ-THÀNH-TỰ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HY

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 42

Quyền 1/89

Xã phường An Khánh

Huyện, Quận Thủ Đức

Tỉnh, Thành phố HCM



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN VÕ HOÀNG TRANG Nam hay Nữ Nữ
 Ngày, tháng, năm sinh Mười bảy, tháng một, năm một ngàn chín
 trăm tám mươi chín (17/1/89)
 Nơi sinh Bệnh viện Phụ sản
 Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt - Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Võ Thị Đức	Nguyễn Hữu Tài
Tuổi	1958	1955
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt - Nam	
Nghề nghiệp	Công nhân	Công nhân
Nơi thường trú	36/9 ấp đình Xã An Khánh	10/1 Tân Lập Xã Hiệp Phú

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
 Nguyễn Hữu Tài 1955

Người đứng khai ký

Đăng ký ngày 14 tháng 2 năm 1989

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

P. CHỦ TỊCH

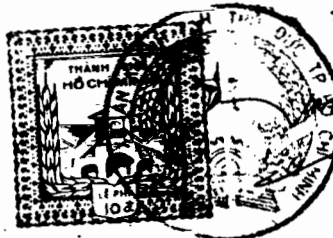
(Đã kí : "Nguyễn Đức Phúc")

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 02 năm 1989

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU

UVTK



Nguyễn Tấn Lợi

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 981

3 March 1973

AWARD OF THE BRONZE STAR MEDAL

1. TC 439. The following AWARD is announced.

PHUOC, NGUYEN HUU 45/102456 COL. MP ARVN

Awarded: Bronze Star Medal

Dates of service: January 1972 to February 1973.

Theater: Republic of Vietnam

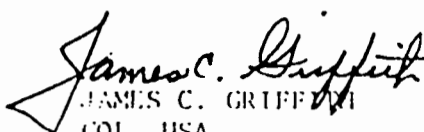
Authority: By direction of the President under the provisions
of Executive Order 11046, 24 August 1962

Reason: For meritorious service in connection with military
operations against a hostile force

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

G. H. WOODWARD
Major General, USA
Chief of Staff


JAMES C. GRIFFITH
COL., USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 7941

14 December 1970

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL

1. TC 439. The following AWARDS are announced for dates of service as indicated:

Awarded: Army Commendation Medal

Theater: Republic of Vietnam

Authority: By direction of the Secretary of the Army under the provisions of AR 672-5-1

Reason: For meritorious service

[REDACTED] CFC ARVN

Dates of service: September 1969 to November 1970

[REDACTED] LTC AGC ARVN

Dates of service: September 1969 to October 1970

[REDACTED] CPT FC ARVN

Dates of service: January 1970 to December 1970

[REDACTED] CPT ARVN

Dates of service: January 1970 to December 1970

[REDACTED] SGT VNSF

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] 1LT INF ARVN

Dates of service: March 1969 to November 1970

[REDACTED] CPT ORDC ARVN

Dates of service: December 1969 to December 1970

[REDACTED] LTC TC ARVN

Dates of service: July 1968 to September 1970

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: December 1967 to September 1970

[REDACTED] MAJ ARVN

Dates of service: October 1967 to September 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: October 1969 to September 1970

GO 7941, HQ USMACV, dated 14 December 1970 (Cont)

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: December 1967 to September 1970

[REDACTED] LTC TC ARVN

Dates of service: July 1968 to September 1970

PHUOC, NGUYEN HUU, 45/102456 LTC ARVN

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] LTC ARTY ARVN

Dates of service: November 1968 to November 1970

[REDACTED] CPT INF VNSF

Dates of service: December 1969 to November 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: November 1968 to October 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: January 1969 to September 1970

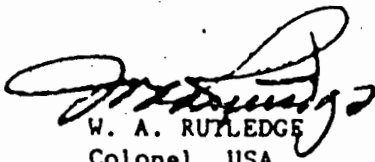
[REDACTED] SSG ARVN

Dates of service: April 1968 to June 1970

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

W. G. DOLVIN
Major General, USA
Chief of Staff


W. A. RUTLEDGE
Colonel, USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special



DEPARTMENT OF THE NAVY
NAVY REGIONAL DATA AUTOMATION CENTER
NAVAL AIR STATION
PENSACOLA, FLORIDA 32508

AFFADAVIT

14 Mar 1984

To whom it may concern:

I, Louis D. Schuster, an employee of the U.S. Government in the position of Internal Control Program Manager, GS-501-13, at the Navy Regional Data Automation Center (NARDAC), Naval Air Station, Pensacola, Florida 32508, do hereby certify and affirm that:

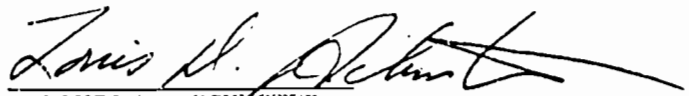
I was employed by the Defense Attache Office (DAO), Saigon, South Vietnam from March 27, 1973 to April 29, 1975 in the position of Administrative Officer in the Air Force Division, DAO, (per attached documentation).

I knew and worked with Mrs. Nguyen Thi Kiem-Huy, who was also an employee of DAO in the position of Classification Specialist, VGS-11, in the Civilian Personnel Office, DAO.

I had frequent occasion to conduct business with Mrs. Kiem-Huy during my period of service at DAO, thus I know as a matter of absolute fact that she was an employee of the U.S. Government for several years prior to the fall of the Republic of South Vietnam.

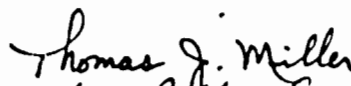
Owing to the fact that Mrs. Kiem-Huy was unable to depart South Vietnam, she destroyed all paperwork and identification which connected her with the U.S. Government for understandable reasons and now has no documentary proof of her employment by the U.S. Government.

Mrs. Kiem-Huy, now desiring to depart Vietnam under the Orderly Department Program as a category II preference, has requested my assistance in certifying as to her employment by the U.S. Government, which I freely provide without promise of favor or compensation of any kind.


LOUIS D. SCHUSTER

SWORN TO BEFORE ME ON THIS 14TH DAY OF MARCH, 1984.

MY COMMISSION EXPIRES Sept. 9, 1984


Notary Public, State of Florida at Large

JOINT VOLUNTARY AGENCY - ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Memorandum

TO : MRS. KHUC MINH THO

DATE:

FROM : American Embassy, Orderly Departure Program (ODP)

SUBJECT: Attached Material

We are herewith returning the enclosed documents which we received in connection with the application of the person(s) mentioned herein to the Orderly Departure Program. When our office attempted to communicate with these persons, our correspondence, along with the documentation, was returned to us as undeliverable.

Now we return all the material, including that which you initially submitted to us, in hopes that you may be able to trace NGUYEN HUU PHUOC's current address and forward this correspondence to him/her.

Thank you for your assistance.

ODP-27 (0462f: 8/86)

gđ di Tri: 8/17/89

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QT/G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại **XUÂN LỘC**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **93** GRT

0 0 0 8 7 8 0 1 5 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **08/QĐ** ngày **20** tháng **8** năm **1987**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN HỮU PHƯỚC**

Sinh năm 19**25**

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Bến tre

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **10/1 khu 10 EL, ấp Tăng Phú 2 xã Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức - TP/ Hồ Chí Minh**

Can tội **Đại tá: tham mưu phó** **Sq 25/102456**

Bị bắt ngày **15/6/1975**

Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị đăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **10/1 khu 10 EL, ấp Tăng Phú 2, xã Tăng Nhơn Phú, Thủ Đức-HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

có nhiều cố gắng trong thời gian học tập cải tạo tại trại chấp hành tốt nội qui kỷ luật, và các chế độ chính sách của đảng và nhà nước.

(quản chế 12 tháng)

Đường sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **20** tháng **9** năm **1987**

Lưu tay người trở gởi

Nguyễn Hữu Phước

hân số _____

trại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Muoc

nguyễn hữu Phước

Ngày **08** tháng **9** năm **1987**

P. Giám thị

Tham Lam

Thiếu tá, NGUYỄN THANH TÂM

Kính nhân

Có kính diện tại Ban

Công an xã

Thiệp phủ ngày 09/9/87
phủ CH xã

Nguyễn Văn

Nguyễn Thị Sa

Kính nhân

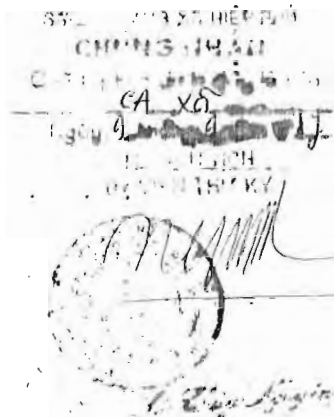
Đu thời gian quản chi

Ngày 10/9/88

Tổ CH

Nguyễn Văn

Nguyễn Thị Sa



Bộ Tư-Pháp

Sở Tư-Pháp

Trung-Nguyên Trung-phần

Tòa Hòa-giải Bình-Khê

Số: 2.901.

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ THỂ-VÌ HỢ-TỊCH
Lưu trữ tại Phòng Lục-sự .

Theo bản chính chứng-thư thể-vì khai sinh cấp cho NGUYEN-HUU-PHUOC do Ông Hoàng-Bình-Giang với tư-cách Quận-Trưởng kiêm Thẩm-Phán Tòa hòa-giải quận Bình-Khê cấp ngày 04 tháng 12 năm 1958 .

ĐÃ TRÍCH RA NHU SAU :

Ba nhân chứng :

1) NGUYEN-DANG-TAI, 2) NGUYEN-NHU-LONG, 3) NONG-VIET-PHAN

Các nhân chứng nói trên đều đã trưởng thành, sau khi thề nói sự thật, nói toàn sự thật, đã lần lược khai và chứng nhận biết đích thực :

NGUYEN-HUU-PHUOC, Việt-tịch, sinh ngày mùng mười, tháng năm, năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (10/5/1925) tại làng An-Duc, quận Ba-Tri, tỉnh Bến-Tré, con của Ông NGUYEN-VAN-PEO và Bà TRAN-THI-MUI vợ chánh ./-



TRÍCH SÁC Y BẢN CHÍNH,
Ngày 15 tháng 4 năm 1966
Lục-sự,

NGUYỄN-THÀNH

Những giấy tờ này sẽ hồ tước hồ sơ theo chỉ dẫn của anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố

BẾN TRE

Huyện, Quận

BA TRI

Xã, Phường

Thị trấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Mẫu TP/HTC

Quyển số

Số 06/KH-90

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ NGUYỄN-THỊ-KIỆM-HUY

Họ tên chồng NGUYỄN-HỮU-THUỐC

Sinh ngày 07-09-1938

Sinh ngày 10-05-1925

Quê quán Xã Tân-Niên-Dông,
GÒ-CONG.

Quê quán Thị trấn BA-TRI, Huyện
BA-TRI, Tỉnh BẾN-TRÉ

Nơi thường trú 01, Thị trấn BA-TRI,
Huyện BA-TRI, Tỉnh BẾN-TRÉ

Nơi thường trú 01, Thị trấn BA-TRI,
Huyện BA-TRI, Tỉnh BẾN-TRÉ

Nghề nghiệp Nội trợ

Nghề nghiệp ()

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt-Nam

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt-Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 021385960

Số CMND hoặc Hộ chiếu 022466094

Ngày 20 tháng 01 năm 1990

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng



Những người xin đi
 Tôi Nguyễn Hữu Phước (có khai sinh kèm)
 Những người đi theo:

<u>Tên họ</u>	<u>Năm sinh</u>	<u>Đặc điểm</u>	<u>Liên hệ</u>
Nguyễn Thị Kiêm Huy	1938	10/1 Khu 10 BL, Ấp Tân Lập Xã Hiệp Phú Huyện Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	vợ
Nguyễn Văn Thọ (1)	1953	nt -	con
Nguyễn Hữu Tài (1)	1955	nt -	con
Nguyễn Thị Lê (1)	1956	nt -	con gái
Nguyễn Hữu Hùng	1968	nt -	con
Phạm Thị Minh Nguyệt	1950	nt -	dân
Võ Thị Đức	1958	36/9 Ấp Đình Xã An Khánh Huyện Thủ Đức, TP/HCM	dân
Nguyễn Võ Hoàng Trang	1989	nt -	cháu nội
(gồm 9 người kể cả 2 đời)		(1) Con của vợ Lớn chết - Khai tử số 4. chết ngày 12-3-69 tại Bentre	

Lâm Đ. chuyển
cho anh Nguyễn

Thưa Anh Nguyễn,

17-08-90

Tôi và gia đình tôi rất cảm ơn anh đã lo hồ sơ cho
tôi xin định cư tại Mỹ. Tôi xin trình bày rõ để anh
có thể kiên quyết tôi để đây. Đó là:
Vào tháng 5/89 tôi có gửi (hồi báo) 1 hồ sơ gồm đầy
đủ giấy tờ để xin LOI (vì mới ra trại thì làm gì có
IV, tôi không có thân nhân bảo lãnh) và ODP Thailand
có ký nhận tiền giấy hồi báo.

Vào tháng 8/89, thấy ban bổ trưởng hợp như tôi đến
được LOI, tôi viết thư hỏi ODP Thailand cũng chẳng trả
lời hoặc cấp LOI.

Vào trước tháng 11/89, tôi gửi thư cho HOS xin can
thiệp để ODP Thailand cho kết quả và trả lời có
chuyển danh sách có tên tôi đến Bộ Ngoại Giao Mỹ
và báo tôi bỏ thế hồ sơ (thở HOS gửi cho tôi ngày
5-11-89). Tôi đã làm tất cả những điều HOS chỉ
dẫn: điền vào mẫu, giấy hồ tịch, huy chương Mỹ v.v...
và gửi vào ngày 7-2-90. Nhưng không hiểu lý do nào
HOS không nhận được.

Đi quá, ngày 14-5-90, tôi gửi cho ODP nguyên 1 bộ
hồ sơ (questionnaire và các giấy tờ cần thiết) qua địa
chỉ số 1 Ngoại Vụ, 6 Thái Văn Lung, Q1, TP HCM, theo địa chỉ
dẫn (địa chỉ) của ODP Thailand. Nhưng rồi đến nay
cũng chẳng thấy trả lời gì cả.

Hôm nay tôi đã có HOS nhiều và đang bị bệnh "nhồi
máu cổ tim và xơ cứng động mạch" này. Tôi có viết
thư cho ODP Thailand, các Joint working group ở Sở
Ngoại Vụ (đơn ở trong văn Mỹ) xin sớm được phỏng vấn
để đi trú bệnh luôn. (Kèm theo đây đủ y chứng
giấy nam BV...) Vậy xin Anh và HOS có cách nào giúp
đỡ để tôi sớm được rời khỏi VN.

Tôi xin theo đây một số giấy tờ mà anh cần và
điều cần nhất mà tôi tha thiết yêu cầu anh là: gửi

Thailand
cho ODP Thái và giấy tờ cần thiết chứng minh bản
văn hóa, xin được phỏng vấn sớm vì:

- điều này do Mỹ chủ động
- và một khi VN đã cấp hồ chiếu thì họ trao cho

ODP Thailand danh sách có tên mình
Tổ chức có gói cho Đoàn Phượt Việt VN 1 thư quảng y như trên
Rất mong trả anh về bản hồ cũng vậy cũng này
Khi ở trên bàn cho anh chỉ và gặp anh may mắn
vào an toàn.

Anh chỉ gói thư cho
tôi như danh đã biết
còn anh là nơi tôi cư ngụ

Nguyễn Văn Phước
10/1 Khu 10 BL, Ấp Tân Lập
Xã Hiệp Phú, Huyện Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh

V N

- TB - Hồ sơ (questionnaire) mà tôi gửi cho
Joint working group ở Sở Ngoại vụ VN
Tôi cũng có nơi tôi có gói cho ODP Thailand
1 questionnaire vào 11 Ngày 8/
- Xin anh nói ODP Thailand trả lại tháng
cho tôi ở VN để tôi có một thời gian nghỉ ngơi
xin phỏng vấn (theo tờ lấy danh sách của
Hội từ gói ODP Thailand, sẽ được gửi rất nhanh)

M^r Director
Orderly Departure Program
127 Banjabhum Bldg
South Sathorn Road
Bangkok 10120 Thailand

10/1 Khu 10 BL
Ấp Tân Lập, Xã Hiệp Phú
Huyện Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

August 23, 1990

Dear Director

I am Nguyễn Hữu Phước born in 1925, a former Colonel of VN Republic Armed Forces (MPC).

I have submitted to ODP two esopolitical prisoner questionnaires :

- one on May 11, 1989 (to ODP Thailand)
- one on May 14, 1990 (to Joint Working Group at Sở Ngoại Vụ 6 Thái Văn Lung Q1, T/P Hồ Chí Minh Việt Nam)

These two questionnaires were sent with assurance of Post Office whose receipts were returned to me.

Since then, I was waiting patiently. But no response come.

Recently, I (and my family) got the exit permit from authorities Vietnamese while unfortunately, I was hospitalized because I have been being contracted seriously the cardiac disease (French expression medical : infarctus du myocarde étendu et extrasystole ventriculaire). Some famous Vietnamese specialist doctors affirmed they can not heal this grave disease in VN for cause lack of surgical equipment for medical operation and the death can come unexpectedly and easily in some case unforeseen.

For these reasons, would you please give me a favor : I (and family) will be allowed to be interviewed and to go to USA as soon as possible in order my disease be healed in time.

I hope my eager request will be considered favourably in the humanitarian spirit.

- one copy of the release certificate

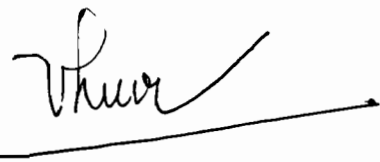
Sincerely,

Enclosures : - 4 documents necessaire
certificate my disease

- 01 copies of exit permit.

- two copies of General Order of two US Medals

Copy to Joint Working Group "for use"



Nguyễn Hữu Phước

My mailing address is the same current one

Hồ sơ gửi ODP Thailand
xin được phỏng vấn sớm

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN : AN GIANG
Số vào Viện : 15103

GIẤY Y CHỨNG ¹²⁵

Bác sĩ : Nguyễn Đình Chanh

Chức vụ : Phòng Y vụ

Ký tên dưới đây, nhận thực : _____

Anh, chị : NGUYỄN THỊ PHƯỚC , 65 tuổi

Nghề nghiệp : _____

Cơ quan : lập Hiệp

Địa chỉ : 10/1 Ấp Tân Phú Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh

Vào Viện ngày : 01 - 6 - 1990

Hồ sơ y lý số : 15103

Ra Viện ngày : 30 - 6 - 1990

Có những thương tích sau đây :

- Nhồi máu cơ tim - Xơ cứng
mạch

Những thương tích kể trên do : bệnh

_____ gây nên.

Nếu không có biến chứng gì khác, đương sự cần nghỉ tạm
thời : 8 ngày (kể từ ngày ký).

BÁC SĨ CHĂM PHỤC Y VỤ

C. Kieu

Ngày 02 tháng 8 năm 1990
BỆNH VIỆN TRƯỞNG

Họ và tên :

PHẠM QUÝ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

Sở y tế viện : 15103
Ngày : 21.6.50
Khoa : 03

GIẤY RA BỆNH VIỆN

Tên : Nguyễn Hữu Phước tuổi : 1924

Địa chỉ hay cơ quan : 1011 ấp Tân Lập, Huyện Bắc

Số Hồ sơ : 15103 Khoa : 03

Năm ngày : 01.06.50

Rạng : 30.06.50

CĂN BỆNH : Nhồi máu cơ tim
Xơ cứng mạch

Infarctus myocardi etendu Extrasystole ventriculaire

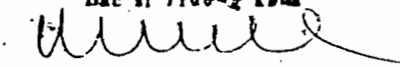
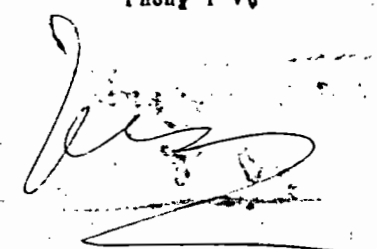
CÁCH CHỮA :

Y, BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ :

LỜI DẶN :

Ngày 30 tháng 6 năm 1950
Phòng Y Vụ

Ngày 30 tháng 6 năm 1950
Bác sĩ Trưởng khoa



Họ tên
103 111 471

Họ tên

SỞ Y TẾ

Số hồ sơ : _____

Bệnh viện : _____

748

ĐƠN THUỐC

Họ và tên Bệnh nhân : Ngô Hữu Phước Tuổi : _____

Nghề nghiệp : _____

Địa chỉ : _____

Định bệnh : _____

Xoắn ruột
Nhồi máu cơ tim

1. Disordan 70 no 20
1 viên x 2



Ngày 26 tháng 6 năm 1990

Y. BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ

[Signature]

BÁC SĨ THANH TRUONG MINH

Chú ý : 1) Y, Bác sĩ cần ghi rõ : Tên thuốc, hàm lượng số lượng và cách dùng.
Mỗi lần khám lại, bệnh nhân cần đem theo đơn này.

BỆNH VIỆN AN BÌNH

146, An Bình, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại 52260



HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 981

3 March 1973

AWARD OF THE BRONZE STAR MEDAL

1. TC 439. The following AWARD is announced.

PHUOC, NGUYEN HUU 45/102456 COL. MP ARVN

Awarded: Bronze Star Medal

Dates of service: January 1972 to February 1973.

Theater: Republic of Vietnam

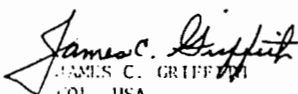
Authority: By direction of the President under the provisions
of Executive Order 11046, 24 August 1962

Reason: For meritorious service in connection with military
operations against a hostile force

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

G. H. WOODWARD
Major General, USA
Chief of Staff


JAMES C. GRIFFITH
COL., USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special

HEADQUARTERS
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
APO San Francisco 96222

GENERAL ORDERS
NUMBER 7941

14 December 1970

AWARD OF THE ARMY COMMENDATION MEDAL

1. TC 439. The following AWARDS are announced for dates of service as indicated:

Awarded: Army Commendation Medal

Theater: Republic of Vietnam

Authority: By direction of the Secretary of the Army under the provisions of AR 672-5-1

Reason: For meritorious service

[REDACTED] CFC ARVN

Dates of service: September 1969 to November 1970

[REDACTED] LTC AGC ARVN

Dates of service: September 1969 to October 1970

[REDACTED] CPT FC ARVN

Dates of service: January 1970 to December 1970

[REDACTED] CPT ARVN

Dates of service: January 1970 to December 1970

[REDACTED] SGT VNSF

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] 1LT INF ARVN

Dates of service: March 1969 to November 1970

[REDACTED] CPT ORDC ARVN

Dates of service: December 1969 to December 1970

[REDACTED] LTC TC ARVN

Dates of service: July 1968 to September 1970

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: December 1967 to September 1970

[REDACTED] MAJ ARVN

Dates of service: October 1967 to September 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: October 1969 to September 1970

GO 7941, HQ USMACV, dated 14 December 1970 (Cont)

[REDACTED] SFC ARVN

Dates of service: December 1967 to September 1970

[REDACTED] LTC TC ARVN

Dates of service: July 1968 to September 1970

PHUOC, NGUYEN HUU, 45/102456 LTC ARVN

Dates of service: September 1969 to September 1970

[REDACTED] LTC ARTY ARVN

Dates of service: November 1968 to November 1970

[REDACTED] CPT INF VNSF

Dates of service: December 1969 to November 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: November 1968 to October 1970

[REDACTED] LTC ARVN

Dates of service: January 1969 to September 1970

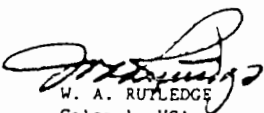
[REDACTED] SSG ARVN

Dates of service: April 1968 to June 1970

FOR THE COMMANDER:

OFFICIAL:

W. G. DOLVIN
Major General, USA
Chief of Staff


W. A. RUTLEDGE
Colonel, USA
Adjutant General

DISTRIBUTION:
Special

BỘ NỘI VỤ
Trại **XUÂN LỘC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QT.TG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Số **33** GRT

0 0 0 8 7 8 0 1 5 5 2

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **08/QĐ** ngày **20** tháng **8** năm **1987**

của **BỘ NỘI VỤ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **NGUYỄN HỮU PHƯỚC** Sinh năm **1925**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Bến tre**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **10/1 km 10 EL ấp tầng phố 2 xã tầng nhơn phú, thủ đức - TP/ Hồ Chí Minh**

Can tội **Đại tá: tham mưu phó (1)**

Bị bắt ngày **15/6/1975** Án phạt **TTCT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **10/1 km 10 EL, ấp tầng phố 2, tầng nhơn phú, Thủ đức-HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

có nhiều cố gắng trong thời gian học tập cải tạo tại trại chấp hành tốt nội qui kỷ luật, và các chế độ chính sách của đảng và nhà nước.

(quản chế 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **20** tháng **9** năm **1987**

Lần tay ngôn trở phải

Nguyễn Hữu Phước

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Phước

Ngày **08** tháng **9** năm **1987**

Giám thị

Thị Thanh Tâm

Nguyễn Hữu Phước

Thiếu tá: NGUYỄN THANH TÂM

(1) From June 1972 to March 1975 middle 1975, my position was Provost Marshal general (MPC). Then I had mutation to 1st CTZ. But, after one week of permission, I found vainly transportation to join my new Unit. By the end of March 75 the 1st CTZ let Đa năng "open up" and the HQ moved to Saigon and was dissolved since then. So my function "deputy of chief of staff" was only on paper, not in action. Accordingly my latest function was considered as Provost Marshal general (MPC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số PT 46091/90-ĐC,
Nº

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN HỮU PHƯỚC

Ngày sinh Date of birth

1925

Nơi sinh Place of birth

Bến Tre

Chỗ ở Domicile

Tp. Hồ Chí Minh

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer



Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

07.8.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 07 tháng 8 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Trần Thành

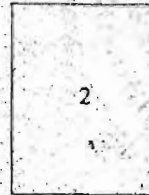
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

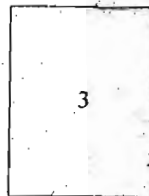
Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BÍ CHỮ — REMARKS

THỰC THỰC — VISAS

THỰC THỰC XUẤT CẢNH

46094 X2

Cấp cho Nguyễn Hữu Phước

Công dân Việt Nam

Đi đến HẠO CHỨNG QUỐC HỌA KỲ

Được cấp cho Trần Văn Nhất

Trước ngày 07.8.1991

Hà Nội, ngày 07.8.1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Trần Thành

Kính nhận
Cố kính diện tại Ban
Công an xã

Thiệp phủ ngày 09/9/87
phó CA xã

Nguyễn Thúc

Nguyễn Thị Ca

Kính nhận
Đủ thời gian quản trị
Ngày 10/9/88

Tổ CA
Nguyễn Thúc
Nguyễn Thị Ca

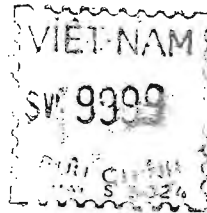
Số: ____ / UB XÃ HIỆP PHÚ
CHUNG HẠN
Chức vụ bên dưới là của:
CA xã
Ngày ____ / ____ / ____
TỔ BAN TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Lý Văn Nguyễn

From Nguyễn Hữu Phước
10/1 Khu 10 BL, Ấp Tân Lập,
Xã Hiệp Phú, Huyện Thủ Đức
T/P HỒ CHÍ MINH

VIỆT NAM



To: Mrs. Khúc Minh Thò
P.O. Box 5435
Arlington VA 22205-0635

USA